

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KS
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 7 năm 2024

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KS - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Lâu Bá Chò;

2, Bà Bùi Thị Nga;

- Thư ký phiên tòa: Ông Già Bá Lâu; Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KS, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Và Bá Cửa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ ván ra xét xử số 19/2024/QĐST-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Kha Thị T, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: bản K, xã CL, huyện KS, tỉnh Nghệ An;

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Lương Văn S, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: bản K, xã CL, huyện KS, tỉnh Nghệ An;

Chỗ ở hiện nay: Chỗ ở hiện nay: Đang chấp hành án phạt tù tại Đội T, KH, trại giam ĐS, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Kha Thị T, trình bày: Chị Kha Thị T và anh Lương Văn S sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1996, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn; thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau này tính tình không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn, hai bên không còn quan

tâm, chăm sóc lẫn nhau; thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn nên chị Kha Thị T đã khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lương Văn S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (Một) người con chung là Lương Văn C, sinh ngày 06/5/2004, nay Cháu đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu gì.

Về tài sản và khoản nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Lương Văn S, trong quá trình giải quyết vụ án anh Lương Văn S vắng mặt do đang chấp hành hình phạt tù, tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh Lương Văn S, tại biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2024 anh Lương Văn S khai. Anh Lương Văn S đồng ý với ý kiến của chị Kha Thị T là hai vợ chồng sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm nhau. Đến năm 2011 thì anh Lương Văn S bị kết án về tội ma túy, hiện đang chấp hành hình phạt tù. Nay chị Kha Thị T làm đơn xin ly hôn và không công nhận vợ chồng thì anh Lương Văn S cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (Một) con chung là Lương Văn C, sinh ngày 06/5/2004, nay Cháu đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu gì.

Về tài sản và khoản nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện KS phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra, hòa giải và xét xử. Vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Kha Thị T và anh Lương Văn S.

- Về con chung: Cháu Lương Văn C, sinh ngày 06/5/2004 đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không xem xét.

- Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở đánh giá khách quan các chứng cứ và lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Kha Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn anh Lương Văn S cư trú tại bản K, xã CL, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Về việc vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai, tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Kha Thị T và anh Lương Văn S tự nguyện chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, không đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà chỉ làm tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nên theo quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình thì quan hệ giữa chị Kha Thị T và anh Lương Văn S không làm phát sinh quyền nghĩa vụ của vợ và chồng. Sau thời gian chung sống với nhau thì giữa hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn, xảy ra bất đồng quan điểm, cãi vã, xúc phạm nhau trong cuộc sống, hiện tại anh Lương Văn S đang chấp hành hình phạt tù. Hội đồng xét xử nhận thấy thời gian chung sống với nhau như vợ chồng giữa chị Kha Thị T và anh Lương Văn S là đúng thực tế, nay một bên yêu cầu không công nhận là vợ chồng nên căn cứ vào Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố chị Kha Thị T và anh Lương Văn S không phải là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Kha Thị T và anh Lương Văn S có 01 con chung là cháu Lương Văn C, sinh ngày 06/5/2004, nay cháu đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không xem xét.

[4] Về tài sản: Nguyên đơn chị Kha Thị T và bị đơn anh Lương Văn S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Kha Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/20/16 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu nộp án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Kha Thị T và anh Lương Văn S là vợ chồng. Buộc chị Kha Thị T và anh Lương Văn S chấm dứt việc chung sống với nhau như vợ chồng kể từ ngày tuyên án.

2. Về án phí: Buộc chị Kha Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo liên lai số 0001068 ngày 06/6/2024 tại Chi cục thi hành án huyện KS, tỉnh Nghệ An.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tóa án cấp trên thông thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện KS;
- Chi cục THADS huyện KS;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP/TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hữu Lộc